



## XE NÂNG VNA EP – CLASS II

## CHÍNH SÁCH BẢO HÀNH

Phiên bản tóm tắt dành cho khách hàng và website



## NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

Thời hạn bảo hành được tính theo số tháng hoặc số giờ vận hành, tùy điều kiện nào đến trước. Bảo hành áp dụng cho lỗi chất lượng nguyên bản trên cấu hình xe được Hưng Khang cung cấp.

## TỔNG QUAN THỜI HẠN

## HỆ THỐNG CHÍNH

**24 THÁNG / 2.000 GIỜ**

Động cơ, truyền động, khung gầm, khung nâng, cầu xe, moay-ơ và bơm bánh răng.

## ĐIỆN – THỦY LỰC

**12 THÁNG / 1.000 GIỜ**

Bộ sạc, bộ điều khiển, dây dẫn, phanh, van, xi-lanh và chi tiết làm kín.

## ĐIỆN PHỤ TRỢ

**3 THÁNG / 200 GIỜ**

Đầu nối, đèn, đèn cảnh báo, còi và bộ phát âm báo.

## PIN LITHIUM VNA

**60 THÁNG / 10.000 GIỜ**

Cell pin; BMS và phụ kiện điều khiển áp dụng 24 tháng / 2.000 giờ.

Khi yêu cầu bảo hành: cung cấp ảnh đồng hồ giờ vận hành, tem nhãn/serial, model xe và hình ảnh/video lỗi.



## PHẠM VI BẢO HÀNH CHI TIẾT

Áp dụng cho xe nâng VNA/Class II theo cấu hình nguyên bản và điều kiện vận hành được phê duyệt.

| NHÓM HẠNG MỤC           | PHẠM VI ÁP DỤNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | THỜI HẠN             |
|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| Hệ thống chính          | <ol style="list-style-type: none"> <li>Động cơ truyền động, động cơ lái và động cơ nâng – không bao gồm chổi than.</li> <li>Bộ truyền động; khung xe, gầm xe, chi tiết hàn/đúc và khung nâng lắp ban đầu.</li> <li>Cụm cầu truyền động, cầu lái, moay-ơ và bơm bánh răng.</li> </ol>                                                                            | 24 tháng / 2.000 giờ |
| Điện – phanh – thủy lực | <ol style="list-style-type: none"> <li>Bộ sạc, bộ điều khiển và bàn đạp/bộ phận tăng tốc.</li> <li>Phanh – không bao gồm má phanh; cáp và dây dẫn; ốc quy chì-axít chỉ áp dụng cho cell pin.</li> <li>Cụm van: thân van, van an toàn, van điện từ và van một chiều.</li> <li>Xi-lanh thủy lực, phớt dầu, vòng O và các chi tiết làm kín lắp ban đầu.</li> </ol> | 12 tháng / 1.000 giờ |
| Điện phụ trợ            | <ol style="list-style-type: none"> <li>Đầu nối/giắc cắm.</li> <li>Đèn làm việc, đèn cảnh báo, còi và bộ phát âm báo.</li> </ol>                                                                                                                                                                                                                                 | 3 tháng / 200 giờ    |

## PIN LITHIUM – XE VNA

|                       |                                                                                                                                                                                                                  |
|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 60 tháng / 10.000 giờ | 24 tháng / 2.000 giờ                                                                                                                                                                                             |
| Cell pin lithium      | <b>BMS và phụ kiện điều khiển</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>Bảng BMS, quạt, màn hình và công tắc/nút bấm.</li> <li>Cảm biến dòng điện, điện áp và nhiệt độ.</li> <li>Dây dẫn và đầu nối.</li> </ol> |

Lưu ý: JX Series không thuộc phạm vi tài liệu VNA này và áp dụng chính sách riêng theo model. Sản phẩm mua trước 01/01/2025 áp dụng chính sách tại thời điểm mua.



## ĐIỀU KIỆN VÀ QUY TRÌNH

### 1. ĐIỀU KIỆN VẬN HÀNH ĐẶC THÙ VNA

13. Xe được vận hành đúng tải trọng, tâm tải, chiều cao nâng và cấu hình càng/đầu xoay đã phê duyệt.
14. Sàn, lối đi, ray dẫn hướng hoặc hệ thống dẫn hướng phải đáp ứng thông số thiết kế và được duy trì ổn định.
15. Không vận hành trong kho lạnh, khu vực ẩm, bụi, nhiệt độ cao hoặc môi trường đặc biệt nếu xe không có cấu hình bảo vệ tương ứng.
16. Thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ; lưu giữ lịch sử bảo trì để phục vụ xác minh bảo hành.

### 2. VẬT TƯ HAO MÒN KHÔNG THUỘC BẢO HÀNH

*Ngoại trừ trường hợp phát hiện lỗi ngay khi nhận hàng.*

17. Lốp, bánh xe, con lăn khung nâng, con lăn, má phanh và chổi than động cơ.
18. Vỏ nhựa, nắp đây, cầu chì; bu-lông, đinh vít, vòng đệm và phần cứng tương tự.
19. Dầu truyền động, dầu thủy lực, dầu phanh, mỡ bôi trơn, dung dịch làm mát và điện phân.
20. Các loại bộ lọc và vật tư bảo dưỡng định kỳ.

### 3. CÁC TRƯỜNG HỢP NGOÀI PHẠM VI BẢO HÀNH

21. Va chạm với kệ/ray, tai nạn, phá hoại hoặc thiên tai.
22. Vận hành quá tải, sai hướng dẫn hoặc trong môi trường không phù hợp.
23. Sai lệch sàn, ray hoặc hệ thống dẫn hướng gây hư hỏng cho xe.
24. Không bảo trì định kỳ; tự ý thay đổi kết cấu, mở bộ điều khiển hoặc sửa chữa khi chưa được chấp thuận.
25. Sử dụng phụ tùng, bộ sạc hoặc thiết bị không chính hãng/không tương thích.

### 4. GỬI YÊU CẦU BẢO HÀNH

26. **Chuẩn bị:** Ảnh đồng hồ giờ, tem nhãn/serial, model xe, mô tả và hình ảnh/video lỗi.
27. **Gửi yêu cầu:** Gửi thông tin qua kênh Dịch vụ sau bán hàng của Hưng Khang.
28. **Kiểm tra:** Hưng Khang rà soát điều kiện, lịch sử bảo trì và thống nhất lịch kiểm tra kỹ thuật.
29. **Xử lý:** Kết luận và thực hiện sửa chữa/thay thế theo phạm vi được xác nhận.

#### LƯU Ý QUAN TRỌNG

Tài liệu này là phiên bản tóm tắt cho website. Việc áp dụng bảo hành được xác định theo model, ngày mua, cấu hình thực tế, điều kiện vận hành, lịch sử bảo dưỡng và kết quả kiểm tra kỹ thuật. Khung thời hạn tham chiếu EP Warranty Policy 2025 – Class II.